

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15  
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ  
sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một  
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát,  
hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban  
nhân dân thành phố về việc dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi  
xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo  
cáo thẩm tra số 161/BC-KTNS ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân  
sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội  
đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số nội  
dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố  
Đà Nẵng như sau:

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế -  
xã hội (sau đây viết tắt là Đề án), có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi  
quản lý của thành phố Đà Nẵng; không thuộc nhiệm vụ khoa học, công nghệ và  
đổi mới sáng tạo theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng  
tạo năm 2025 và các Thông tư hướng dẫn về thực hiện xây dựng dự toán thực  
hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Những nội dung khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của Đề án phát

triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố không quy định tại văn bản này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành của nhà nước có liên quan.

## 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng Đề án, có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chức danh thực hiện xây dựng Đề án là người trực tiếp thực hiện các nội dung nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề, báo cáo trong Đề án (do đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng Đề án phê duyệt trước khi thực hiện) bao gồm:

a) Chủ nhiệm Đề án là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý Đề án trong việc: Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong Đề án; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của Đề án; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý Đề án, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện xây dựng Đề án. Mỗi Đề án chỉ có một chủ nhiệm Đề án.

b) Thư ký là người hỗ trợ chủ nhiệm Đề án quản lý, tổ chức thực hiện xây dựng Đề án bao gồm việc: Hỗ trợ theo dõi đôn đốc tiến độ triển khai xây dựng Đề án; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý Đề án, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện xây dựng Đề án; hỗ trợ công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện xây dựng Đề án và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm Đề án. Mỗi Đề án chỉ có một thư ký.

c) Thành viên chính là cá nhân được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của Đề án. Trong một Đề án có nhiều nội dung nghiên cứu. Mỗi nội dung được chủ trì thực hiện bởi tối đa một thành viên chính.

d) Thành viên thực hiện xây dựng Đề án là cá nhân được phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của Đề án.

đ) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh Đề án.

2. Nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án (sau đây viết tắt là nhóm chức danh) là tập hợp các cá nhân có cùng chức danh để thực hiện nội dung nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề, báo cáo trong Đề án.

3. Chuyên gia tư vấn (bao gồm chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước) là người có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực và kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cơ quan quản lý Đề án yêu cầu thực hiện.

### Điều 3. Nội dung chi và mức chi đối với các Đề án phát triển kinh tế - xã hội do các cơ quan, đơn vị thành phố xây dựng

#### 1. Chi nghiên cứu, xây dựng các chuyên đề, báo cáo

a) Chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án: Tiền thù lao được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện xây dựng Đề án. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện xây dựng Đề án không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện xây dựng Đề án của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày. Trong đó:

- Hệ số lao động theo ngày cho các chức danh thực hiện xây dựng Đề án (cơ sở tính tiền công lao động trực tiếp).

STT	Chức danh	Hệ số lao động (H <sub>CD</sub> )
1	Chủ nhiệm	1,0
2	Thành viên chính	0,8
3	Thành viên	0,4
4	Thư ký	0,3
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp cho các chức danh chủ nhiệm, thư ký, thành viên chính, thành viên)	0,2

Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

- Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm thực hiện xây dựng Đề án (DM<sub>CN</sub>) là 20 triệu đồng/người/tháng.

- Dự toán chi thù lao tham gia xây dựng Đề án của các chức danh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được tính theo công thức sau:

$$+ \text{Đối với chủ nhiệm và thư ký Đề án: } TL_{CN/TK} = H_{CD} \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

T: Tổng thời gian thực hiện xây dựng Đề án (tháng).

$$+ \text{Đối với nhóm chức danh còn lại: } TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó:

$\Sigma_{\text{NCD}}$ : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện xây dựng Đề án của nhóm chức danh.

Mức chi thù lao cho mỗi cá nhân thuộc các chức danh hoặc nhóm chức danh khác tham gia xây dựng Đề án tối đa không quá 0,8 lần mức chi thù lao của chủ nhiệm Đề án.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Mức tiền lương tối thiểu vùng theo nơi hoạt động của người sử dụng lao động tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện Đề án (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày). Tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện xây dựng Đề án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

## 2. Chi thuê chuyên gia tư vấn (trong trường hợp cần thiết)

a) Chuyên gia tư vấn trong nước: Tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 30% tổng dự toán chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh và thuê lao động thực hiện xây dựng Đề án quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này. Đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng Đề án quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chuyên gia tư vấn nước ngoài: Tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 50% tổng dự toán chi tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh và thuê lao động thực hiện xây dựng Đề án quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này. Đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng Đề án quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## 3. Chi thù lao tham gia hội thảo, diễn đàn, tọa đàm

a) Người chủ trì: 1.000.000 đồng/buổi.

b) Thư ký: 250.000 đồng/buổi.

c) Báo cáo viên trình bày hội thảo, tọa đàm, diễn đàn: 1.500.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo được cơ quan tổ chức hội thảo, tọa đàm đề nghị viết nhưng không trình bày tại hội thảo: 750.000 đồng/báo cáo.

đ) Thành viên tham gia: 150.000 đồng/thành viên/buổi.

## 4. Chi đánh giá, nghiệm thu chính thức Đề án

a) Chi hợp Hội đồng nghiệm thu

- Chủ tịch Hội đồng: 900.000 đồng/người/Đề án.

- Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng: 750.000 đồng/người/Đề án.

- Thư ký: 150.000 đồng/người/Đề án.

- Đại biểu được mời tham dự: 100.000 đồng/người/Đề án.

b) Chi nhận xét đánh giá

- Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng: 350.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá.

- Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng: 500.000 đồng/01 phiếu nhận xét đánh giá.

#### **Điều 4: Nội dung chi và mức chi đối với Đề án phát triển kinh tế - xã hội do các đơn vị thuộc cấp xã xây dựng**

Tùy thuộc khả năng cân đối ngân sách của các địa phương: Áp dụng mức chi tối đa bằng 60% mức xây dựng đề án cấp thành phố.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách nhà nước bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Quy định một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố (Quy định số 01) ban hành kèm theo Nghị quyết số 85/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) ban hành các quy định về một số nội dung, mức chi xây dựng Đề án phát triển kinh tế xã hội; bồi dưỡng các lực lượng tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, hỗ trợ tại các sự kiện; hỗ trợ chế độ thai sản cho đối tượng nữ là người hoạt động không chuyên trách phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật.

2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, chịu trách nhiệm trong việc phê duyệt danh mục, xác định tính cần thiết, đơn vị thực hiện, quy mô kinh phí của Đề án đảm bảo hiệu quả, thiết thực, đúng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đề ra và khả năng cân đối ngân sách thành phố.

3. Đối với Đề án phát triển kinh tế - xã hội do các đơn vị thuộc cấp xã xây dựng: Giao Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, chịu trách nhiệm trong việc phê duyệt danh mục, xác định tính cần thiết, đơn vị thực hiện, quy mô kinh phí của Đề án đảm bảo hiệu quả, thiết thực, đúng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và cấp xã đề ra và khả năng cân đối ngân sách cấp xã.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Thành ủy thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Thành uỷ;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các Sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các phường, xã, đặc khu thuộc thành phố;
- Báo và PT, TH Đà Nẵng, Trung tâm THVN (VTV8), Công thông tin điện tử thành phố, Công báo thành phố.
- Lưu: VT, CTHĐND.



**Nguyễn Đức Dũng**